

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Số: 78/2014/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 16 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách và biện pháp thực hiện công tác dân số kế hoạch
hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2014-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Pháp lệnh Dân số do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 09/01/2003; Pháp lệnh Dân số (sửa đổi) ngày 27/12/2008; Khoản 6, Điều 10, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Chỉ thị số 23/2008/CT-TTg ngày 04/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số- Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 18/8/2010 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ giai đoạn 2011-2015 thực hiện kết luận số 44- KL/TW ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị khóa IX; Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 20/02/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Y tế quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012- 2015;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 27/5/2014 của UBND tỉnh về đề nghị HĐND tỉnh ban hành chính sách và biện pháp thực hiện công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020 và những năm tiếp theo; Báo cáo thẩm tra số 411/BC-HĐND ngày 14/7/2014 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quyết định về chính sách và biện pháp thực hiện công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2014-2020, như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Phân đầu đạt mức sinh thay thế, ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Dân số trung bình là 1.234.630 người;

2.2. Tỷ suất sinh thô còn 15,2‰;

2.3. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,02% năm 2020;

2.4. Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai đạt 77%;

2.5. Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi còn 3,87‰;

2.6. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 16,1%;

2.7. Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 15%;

2.8. Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 30%;

2.9. Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn 10% ;

2.10. Tổng tỷ suất sinh (*Số con trung bình của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ*) giảm xuống còn 2,1 con vào năm 2017;

2.11. Giảm tình trạng tảo hôn còn 13,3% và kết hôn cận huyết thống còn 0,28%;

2.12. Phân đầu giảm tỷ số giới tính khi sinh ở mức 109,5 bé trai/100 bé gái;

2.13. Phân đầu đến năm 2020 có 50% xã, phường, thị trấn thực hiện được tư vấn, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và triển khai khám sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên, nam, nữ chuẩn bị kết hôn về phòng tránh các nguy cơ sinh con bị khuyết tật, dị tật;

2.14. Phân đầu đến năm 2020, 100% số bệnh viện đa khoa và 50% số trạm y tế xã, phường, thị trấn có cán bộ y tế thực hiện được sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh;

2.15. Giảm tỷ lệ phá thai, đảm bảo phá thai an toàn; phân đầu giảm số người trong độ tuổi vị thành niên có thai ngoài ý muốn đến năm 2020 còn 0,23%;

2.16. Tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nam giới, sức khỏe sinh sản cho người cao tuổi; phân đầu đến năm 2020 có từ 3 đến 5 điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người cao tuổi và 10% số bệnh viện đa khoa có khoa lão khoa để chăm sóc người cao tuổi;

2.17. Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 14,5/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2020; phần đầu đến năm 2020 đạt 50% số bản đặc biệt khó khăn của tỉnh có nhân viên y tế bản hoặc cô đỡ thôn, bản được đào tạo kiến thức, năng lực và thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản;

2.18. Phần đầu đạt chỉ số phát triển con người(HDI) theo mức bình quân của cả nước.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Nhóm giải pháp về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh;

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; thường xuyên kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình của địa phương, đơn vị mình để có kế hoạch khắc phục những yếu kém, nhất là kiên quyết không chể, ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc thực hiện công tác này, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình;

- Đưa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thành một nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và xây dựng nông thôn mới; cán bộ, công chức, viên chức phải gương mẫu, đi đầu trong tuyên truyền, vận động và thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xem việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá, phân loại chất lượng và đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức vào các chức vụ lãnh đạo của các cơ quan trong hệ thống chính trị; Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình theo qui định hiện hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra và hướng dẫn bổ sung nội dung quy ước, hương ước của tổ, bản, tiểu khu để xử lý vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đối với những trường hợp không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

3.2. Nhóm giải pháp về truyền thông, giáo dục

- Tuyên truyền rộng rãi với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đến mọi tầng lớp nhân dân;

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, giáo dục từ tỉnh đến cơ sở để mọi người dân nâng cao nhận thức tự giác thực hiện mô hình gia đình có 02 con phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập, nuôi dạy con và xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng; Kết hợp tốt truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể nhằm kiên quyết, can thiệp và ngăn chặn tình trạng sinh con thứ 3 trở lên.

- Lồng ghép tuyên truyền giáo dục về dân số - kế hoạch hóa gia đình với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Tổ chức nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ không tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hình thức tuyên truyền phải phù hợp với từng nhóm đối tượng, điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa của từng vùng, trong đó chú trọng tuyên truyền ở vùng đông dân, có mức sinh cao, vùng có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn;

- Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức và sinh hoạt ngoại khóa về dân số - sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, giới tính, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, tầm quan trọng của việc khám sức khỏe trước khi kết hôn, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh trong nhà trường và xã hội nhằm chuyển đổi hành vi và nhận thức cho các đối tượng nhất là thanh, thiếu niên, bảo đảm sự phát triển bền vững của chương trình;

- Triển khai có hiệu quả chiến dịch tăng cường truyền thông vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản đến vùng đông dân, có mức sinh cao, vùng đặc biệt khó khăn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhân dân.

3.3. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy, đào tạo và quản lý công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình từ tỉnh đến cơ sở; **tăng cường biên chế cho Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh và Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình các huyện, thành phố**; từng bước chuẩn hóa đội ngũ cộng tác viên dân số ở tổ, bản, tiểu khu; chỉ đạo triển khai hiệu quả các biện pháp để nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;

- Tổ chức quy hoạch, đào tạo cán bộ dân số nhất là cấp huyện, xã nhằm thực hiện tốt chức năng tham mưu và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành chương trình đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài;

- Tăng cường sự phối hợp giữa ngành y tế và các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền các cấp trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phát huy có hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp.

3.4. Nhóm giải pháp về tăng cường cung cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; cung cấp đủ trang thiết bị và phương thức cung cấp dịch vụ phù hợp đáp ứng nhu cầu dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại các địa bàn khó khăn, quan tâm đến các đối tượng đặc thù và đối với giới trẻ, vị thành niên, thanh niên; đa dạng hoá các loại hình cung cấp dịch vụ và tư vấn sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, tiến tới thoả mãn nhu cầu của người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình;

- Triển khai lồng ghép có hiệu quả các dịch vụ tư vấn và dịch vụ kỹ thuật nâng cao chất lượng dân số như: Sàng lọc trước sinh và sơ sinh nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị dị tật bẩm sinh, thiếu năng trí tuệ, bệnh rối loạn chuyển hóa; điều trị vô sinh; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống góp phần nâng cao thể lực và trí tuệ cho trẻ em, nâng cao chất lượng dân số, chất lượng giống nòi;

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình thông qua tư vấn và kiểm tra sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên, nam, nữ chuẩn bị kết hôn góp phần giảm tỷ lệ trẻ em sinh ra bị khuyết tật, dị tật và mắc các bệnh lý di truyền khác;

- Tăng cường nhân lực chăm sóc hộ sinh cho các bản đặc biệt khó khăn, nơi có tỷ lệ đẻ tại nhà cao thông qua mở rộng hình thức đào tạo và xử dụng cô đỡ thôn bản, ưu tiên lựa chọn nữ nhân viên y tế bản để đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản góp phần giảm tỷ lệ tai biến sản khoa, tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ sơ sinh;

- Phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản cho người cao tuổi, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi góp phần nâng cao chất lượng dân số;

- Tăng cường tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai; chú trọng cung ứng phương tiện tránh thai dựa vào cộng đồng; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về các biện pháp tránh thai giúp người dân có cơ hội lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp;

3.5. Nhóm giải pháp về chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình

a) Chính sách hỗ trợ và khen thưởng

- Chi hỗ trợ các hoạt động phúc lợi đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình để lồng ghép các hoạt động văn hóa -giáo

dục - thể thao với dân số - kế hoạch hóa gia đình mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- + Xã, phường, thị trấn: 3.000.000 đồng/đơn vị/năm.

- + Tổ, bản, tiểu khu: 1.000.000 đồng/đơn vị/năm.

- Chính sách khen thưởng: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn.

- Hỗ trợ tổ chức nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ, tư vấn can thiệp giảm thiểu tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại các xã, bản vùng III của tỉnh: 200.000 đồng/quý.

- Đối với cá nhân thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình:

- + Người tự nguyện triệt sản ngoài phần bồi dưỡng do Trung ương qui định, ngân sách tỉnh sẽ chi bồi dưỡng thêm 300.000 đồng/trường hợp.

- + Cộng tác viên dân số và cán bộ chuyên trách dân số xã có công tư vấn, tuyên truyền vận động đối tượng thực hiện triệt sản được hỗ trợ 50.000đồng/trường hợp, đối tượng thực hiện đặt vòng tránh thai được bồi dưỡng 10.000 đồng/trường hợp, đồng thời được biểu dương trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

- Đối với Cộng tác viên dân số-kế hoạch hóa gia đình: Ngoài định xuất của Trung ương ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm bằng 0,2 mức lương cơ bản/người/tháng để khuyến khích cộng tác viên quản lý và tuyên truyền tốt công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Khuyến khích các đối tượng nam, nữ trước khi kết hôn, thai phụ và trẻ sơ sinh thực hiện khám sức khỏe, xét nghiệm và tư vấn tiền hôn nhân, siêu âm sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh nhằm chẩn đoán, phát hiện sớm các trường hợp dị tật thai nhi và một số bệnh lý di truyền khác tại các cơ sở y tế nhà nước.

b) Xử lý vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các doanh nghiệp Nhà nước, cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang vi phạm chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật (*tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn, vi phạm quy định về cấm kết hôn, lợi dụng ly hôn để vi phạm chính sách pháp luật về dân số, sinh con thứ ba trở lên và lựa chọn giới tính khi sinh*) sẽ bị xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, Nhà nước; hình thức xử lý kỷ luật vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện không nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong năm có vi phạm, đảm bảo tính nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức;

Ngoài hình thức kỷ luật theo qui định chung của Đảng, Nhà nước và hương ước, quy ước của tổ, bản, tiểu khu, các đơn vị và cá nhân vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình sẽ:

- Không xem xét các danh hiệu thi đua trong năm đối với cơ quan, đơn vị trực tiếp có người vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Không xem xét công nhận đơn vị văn hoá, bản văn hoá và gia đình văn hoá trong năm đó.

- Nêu tên trên các phương tiện thông tin ở **bản, tiểu khu, tổ dân phố**.

3.6. Nhóm giải pháp về đầu tư, tài chính

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - kế hoạch hóa gia đình và nguồn ngân sách của tỉnh hỗ trợ;

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp cho Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh và các Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện, thành phố; đồng thời đầu tư trang thiết bị đáp ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, trang thiết bị làm việc, tạo điều kiện để hoạt động có hiệu quả chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình;

- Đối với xã, phường, thị trấn; tổ, bản, tiểu khu không có người vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình sẽ được cấp giấy chứng nhận và khung giấy chứng nhận;

- Ngoài mức đầu tư kinh phí từ Chương trình mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình của Trung ương, hàng năm UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cân đối kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo đủ nguồn kinh phí để triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu về dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa phương; Ngành Y tế cần xây dựng kế hoạch cụ thể để tăng cường đẩy mạnh các hoạt động của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 277/2009/NQ-HĐND ngày 17/7/2009; Nghị quyết số 44/2013/NQ-HĐND ngày 14/3/2013 của HĐND tỉnh Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 277/2009/NQ-HĐND ngày 17/7/2009 của HĐND tỉnh Sơn La về một số biện pháp cấp bách thực hiện công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2009-2010 và đến năm 2015.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết;

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 16/7/2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ; Văn phòng CT nước;
- Ban công tác Đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGĐ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, Chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh, Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT.Linh(450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Văn Chất